

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6- 2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hòa Minh
- Ông Nguyễn Văn Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thành L, sinh ngày 27/12/1983.

Địa chỉ tại Nhật Bản: Số bưu điện E, J Minamihonmachi 5-1-28, (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Vương Thị Huỳnh N, sinh ngày 10/03/1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thành L trình bày:

Anh L và chị Vương Thị Huỳnh N đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, anh L và chị N sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Trong quá trình sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên khoảng tháng 12/2019 chị N trở về Việt Nam không còn sống chung với anh L nữa. Theo anh L tình cảm không còn, mỗi người sống

mỗi nơi, không còn liên lạc với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị Vương Thị Huỳnh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Vương Thị Huỳnh N trình bày :

Chị N thống nhất theo lời trình của anh Phạm Thành L về thời gian sống chung và có đăng ký kết hôn với anh L vào 04/01/2016. Quá trình sống chung thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý và không tìm được tiếng nói chung, chị N và anh L đã sống ly thân từ tháng 12/2019, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị N đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thành L; cho anh L được ly hôn với chị Vương Thị Huỳnh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Thành L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Thành L và chị Vương Thị Huỳnh N tự nguyện kết hôn vào năm 2016, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 ngày 04/01/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thành L thấy rằng: Sau khi kết hôn thì anh L, chị N cùng sang Nhật Bản sinh sống và làm việc, trong quá trình sống chung do phát sinh mâu thuẫn nên chị N trở về Việt Nam sinh sống, anh L và chị N đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn chị N đồng ý ly

hôn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị N xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Thành L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thành L. Cho anh Phạm Thành L ly hôn chị Vương Thị Huỳnh N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị N xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Phạm Thành L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, theo biên lai thu số 0000135 ngày 07/3/2024. Anh L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Vương Thị Huỳnh N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Phạm Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- UBND Thị xã Trảng Bàng;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giàu